



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

# Báo cáo thường niên Năm 2016

Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

[www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)

© Hải Phòng, tháng 3 năm 2017

## MỤC LỤC

<b>I THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>2</b>
<b>1 Thông tin khái quát</b> .....	<b>2</b>
<b>2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</b> .....	<b>2</b>
2.1 Ngành nghề kinh doanh .....	2
2.2 Địa bàn kinh doanh .....	2
<b>3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức KD và bộ máy quản lý</b> .....	<b>2</b>
3.1 Mô hình quản trị .....	2
3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý .....	3
<b>4 Định hướng phát triển</b> .....	<b>4</b>
<b>II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>4</b>
<b>1 Tình hình hoạt động kinh doanh</b> .....	<b>4</b>
1.1 Tình hình kinh tế vĩ mô .....	4
1.2 Bối cảnh Công ty .....	4
1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh .....	5
<b>2 Tổ chức, nhân sự</b> .....	<b>5</b>
<b>3 Tình hình tài chính</b> .....	<b>13</b>
<b>4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> .....	<b>14</b>
<b>III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>14</b>
<b>1 Hoạt động môi giới</b> .....	<b>14</b>
<b>2 Hoạt động đầu tư</b> .....	<b>15</b>
<b>3 Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</b> .....	<b>15</b>
<b>4 Duy trì xây dựng hệ thống</b> .....	<b>16</b>
<b>5 Những vấn đề còn tồn tại</b> .....	<b>16</b>
<b>IV ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>16</b>
<b>1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động</b> .....	<b>16</b>
<b>2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc</b> .....	<b>17</b>
<b>3 Các kế hoạch định hướng phát triển</b> .....	<b>17</b>
<b>V QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>19</b>
<b>1 Hội đồng quản trị</b> .....	<b>19</b>
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị .....	19
1.2 Hoạt động của Hội đồng quản trị .....	22
<b>2 Ban kiểm soát</b> .....	<b>22</b>
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát .....	22
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát .....	24
<b>3 Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát</b> .....	<b>25</b>
<b>VI BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>25</b>
<b>1 Ý kiến kiểm toán</b> .....	<b>25</b>
<b>2 Bảng cân đối kế toán</b> .....	<b>27</b>
<b>3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b> .....	<b>30</b>
<b>4 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b> .....	<b>32</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG
- Tên tiếng Anh: HAIPHONG SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKKD: Số 119/UBCK-GP do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015.
- Vốn điều lệ: 291.810.960.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 291.810.960.000 đồng
- Trụ sở chính: 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải phòng
- Điện thoại: (84 - 31)3 842332/3 842335
- Fax: (84 - 31)3 746266
- Email: [haseco@haseco.vn](mailto:haseco@haseco.vn)
- Website: [www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)

### - Quá trình hình thành và phát triển

- + Ngày 23-11-2015: HASECO được cấp giấy phép thành lập và hoạt động
- + Ngày 23-11-2015: HASECO thành lập Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
- + Ngày 23-11-2015: HASECO thành lập Chi nhánh Hà Nội
- + Ngày 23-11-2015: HASECO là thành viên của Sở GDCK Hồ Chí Minh
- + Ngày 23-11-2015: HASECO là thành viên của Sở GDCK Hà Nội
- + Ngày 18-10-2016: Cổ phiếu HAC của HASECO chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM.

### 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

#### 2.1 Ngành nghề KD:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Và những nghiệp vụ được phép khác khác như Lưu ký chứng khoán; Tư vấn tài chính doanh nghiệp;...

#### 2.2 Địa bàn kinh doanh:

- Trụ sở chính: Số 24 – Cù Chính Lan – Hồng Bàng – TP.Hải Phòng.
- Chi nhánh Hà Nội: Số 04 Tôn Thất Tùng – Đống Đa – Hà Nội
- Chi nhánh HCM: 328 Võ Văn Kiệt – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

#### 3.1 Mô hình quản trị:

- Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông; Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị; Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc và các Giám đốc Khối chức năng.

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám

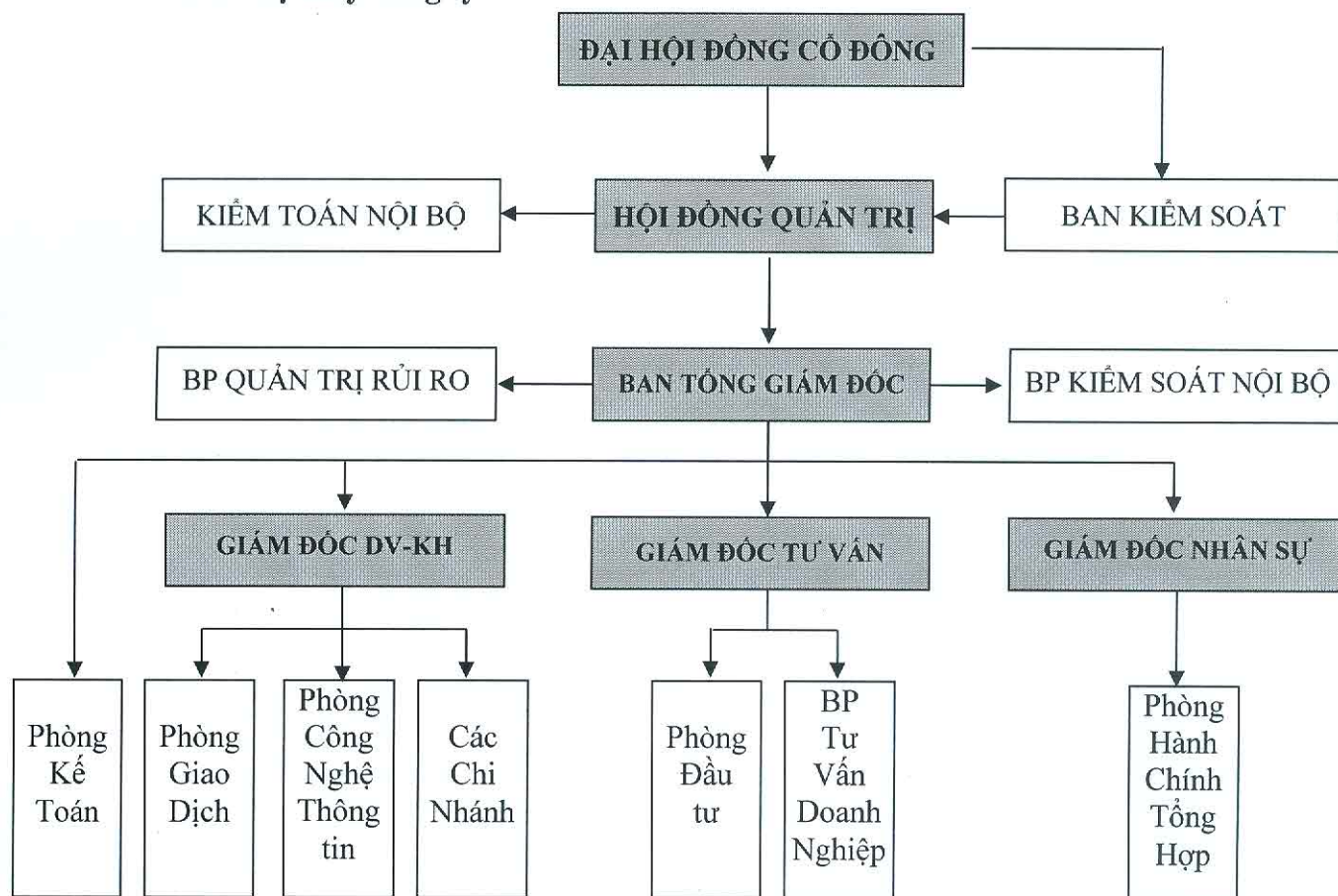
độc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của khối thông qua Giám đốc phụ trách khối.

### 3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp 2014, luật chứng khoán và các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty. Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là cơ sở chỉ phối cho mọi hoạt động của Công ty.

#### Cơ cấu bộ máy quản lý công ty:

- **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản trị và kiểm soát việc kinh doanh của Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc ĐHĐCĐ quyết định. Định hướng các chính sách tồn tại và phát triển để thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hoạch định chính sách, ra nghị quyết hành động cho từng thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- **Ban kiểm soát:** Do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- **Ban điều hành:** Do HĐQT bổ nhiệm gồm có Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc các giám đốc khối và kế toán trưởng. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT, quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty.
- **Sơ đồ bộ máy công ty:**



#### 4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty đến năm 2020:  
Đảm bảo kinh doanh có lãi để chia cổ tức cho cổ đông từ 5 đến 10% /năm. Thể hiện xu thế phát triển ổn định và tăng trưởng của Công ty.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:  
Xây dựng kế hoạch tăng trưởng Doanh thu 20% hàng năm .Lợi nhuận sau thuế tăng 20% hàng năm. Trên cơ sở đẩy mạnh doanh thu, truyền thông và gia tăng các dịch vụ tài chính khác.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

### 1. Tình hình hoạt động kinh doanh

#### 1.1. Tình hình kinh tế vĩ mô

Các chỉ báo cho thấy khá rõ tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm tốc trong năm 2016. Trong bối cảnh cầu tiêu dùng và cầu đầu tư nội địa chưa có sự bứt phá, động lực tăng trưởng trong thời gian qua vẫn phụ thuộc nhiều vào khối FDI, khai thác tài nguyên thiên nhiên và đầu tư công. Theo đó, khi gặp những diễn biến bất lợi trên thị trường thế giới kết hợp với việc giải ngân ngân sách gặp một số vướng mắc, việc tăng trưởng kinh tế chậm lại là khó tránh khỏi, cụ thể:

- Khác biệt so với năm 2015, trong năm 2016, thay vì là động lực cho tăng trưởng, sự thu hẹp của ngành Khai khoáng có thể xem như một trong những nguyên nhân chính khiến tăng trưởng toàn nền kinh tế giảm tốc. Cụ thể, Chỉ số ngành này trong năm 2016 giảm khoảng 6,3% so với năm 2015. Sản lượng dầu thô tiếp tục ghi nhận mức giảm sâu 10% so với cùng kỳ năm trước. Sự sụt giảm của ngành Khai khoáng đã khiến mức tăng chung của toàn ngành Công nghiệp giảm khoảng 1,3 điểm phần trăm
- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam phụ thuộc lớn vào xuất khẩu, tỷ lệ xuất khẩu/GDP tăng nhanh qua từng năm và ước tính năm 2016 ở mức trên 85%. Với việc khối FDI đóng góp hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2016, các doanh nghiệp này tiếp tục khẳng định vị trí quan trọng trong việc hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam.
- Trong năm 2016 FDI đăng ký có xu hướng giảm, xét một cách tổng thể, với việc khối FDI chiếm tỷ trọng và đóng góp lớn cho tăng trưởng kinh tế, sự suy yếu về tăng trưởng của dòng vốn FDI rất cần được lưu tâm do có thể ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng trong tương lai, đặc biệt trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động về chính trị kèm theo chính sách bảo hộ thương mại có thể được tăng cường. FDI thực hiện ước đạt 14,3 tỷ USD, tăng 8,3%, thấp hơn đáng kể so với mức tăng 17,9% của cùng kỳ 2015.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2016, sau khởi đầu có phần trầm lắng trong Q1/2016, nhóm vốn hóa lớn đã trở lại vai trò dẫn dắt thị trường. Sự phân hóa trở nên rõ nét trong nửa cuối năm khi nhóm vốn hóa trung bình và nhỏ dần chững lại. Xu hướng trong năm 2015 được duy trì khi nhóm vốn hóa lớn vẫn là tâm điểm thu hút dòng tiền. Giai đoạn nửa đầu năm 2016 chứng kiến sự bứt phá từ các cổ phiếu vốn hóa trung bình được hưởng lợi trực tiếp từ các yếu tố cơ bản như giá hàng hóa phục hồi, hoạt động nới room, thoái vốn. Các tháng cuối năm 2016, xu hướng đầu tư trên thị trường tiếp tục chuyển dịch từ các cổ phiếu mang yếu tố đầu cơ sang nhóm cổ phiếu cơ bản, đà tăng tại nhóm vốn hóa lớn còn nhận được sự hỗ trợ quan trọng từ hoạt động niêm yết mới của một số doanh nghiệp lớn.

#### 1.2. Bối cảnh Công ty

- Cuối năm 2015 được sự nhất trí của Nhà đầu tư và sự ủng hộ của các cơ quan quản lý nhà nước, Công ty đã tiến hành hợp nhất với Công ty cổ phần Chứng khoán Á Âu với mục tiêu hình thành một Công ty mới có tình hình tài chính lành mạnh hơn, hoạt động hiệu quả hơn và không còn lỗ lũy kế.
  - Ngày 23/11/2015, Công ty đã nhận Giấy phép thành lập và hoạt động mới (Giấy phép số: 119/GP-UBCK). Đây là trường hợp hợp nhất CTCK lần thứ ba trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại thời điểm đó. Sự kiện này đánh dấu kế hoạch hợp nhất giữa hai Công ty đã hoàn tất, trong quá trình này Công ty luôn đảm bảo được mọi hoạt động, mọi giao dịch của khách hàng được diễn ra liên tục, thông suốt và không có bất kỳ sự gián đoạn nào.
  - Việc hợp nhất giữa hai Công ty thực tế đã diễn ra liên tục không có sự gián đoạn đối với Nhà đầu tư. Tuy nhiên đối với Công ty thì cơ cấu nhân sự và hoạt động quản trị cũng có sự xáo trộn nhất định. Vấn đề này cũng đã có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty trong những tháng đầu năm 2016 vừa qua.
  - Ngày 5/3/2016 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX và chi trả cổ tức 5% năm 2015 bằng tiền. Theo kế hoạch này, sau khi Đại hội kết thúc HĐQT đã nhanh chóng chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn HNX. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân khách quan nên hồ sơ niêm yết của Công ty chưa được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Công ty phải chuẩn bị lại hồ sơ để đăng ký giao dịch trên sàn Upcom theo đúng quy định. Sau quá trình thẩm định hồ sơ, ngày 18/10/2016 cổ phiếu của Công ty chính thức được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã chứng khoán là HAC. Quá trình chuyển đổi từ niêm yết trên sàn HNX sang đăng ký giao dịch trên sàn Upcom là nằm ngoài mong muốn của doanh nghiệp cũng như của cổ đông Công ty. Những phát sinh này đã làm chậm kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông. Nhận thức được điều này nên ngay trong ngày cổ phiếu HAC được giao dịch trên sàn Upcom, Công ty đã tiến hành các thủ tục liên quan để tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông.
  - Ngày 28/11/2016, Công ty đã tiến hành thanh toán cổ tức cho cổ đông theo quy định, theo đó:
    - + Đối với chứng khoán đã lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký chứng khoán
    - + Đối với chứng khoán chưa lưu ký: Cổ đông làm thủ tục nhận cổ tức tại Trụ sở và các Chi nhánh của Công ty tại TP. Hà Nội và TP. HCM.
- Do số lượng cổ đông chưa lưu ký và nhỏ lẻ của Công ty nhiều nên đến thời điểm hiện tại việc trả cổ tức cho những cổ đông này vẫn được công ty khẩn trương tiến hành.

### 1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016
1	Doanh thu hoạt động	33.072.953.798
2	Chi phí hoạt động	5.056.500.735
3	Doanh thu hoạt động tài chính	2.630.267.529
4	Chi phí tài chính	48.136.111
5	Chi phí quản lý công ty	12.479.170.607

6	Kết quả hoạt động khác	(46.872.024)
7	Lợi nhuận sau thuế	18.072.541.850

- Trong bối cảnh chung còn khó khăn Công ty đã chưa đạt được kế hoạch kinh doanh: lợi nhuận năm 2016 mới chỉ đạt 18,072 tỷ đồng bằng 94 % kế hoạch năm, tuy nhiên tăng so với cùng kỳ năm 2015 khoảng 4%.
- Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty đạt 35,7 tỷ đồng, chỉ bằng 79,4% kế hoạch năm. Có được kết quả đó là từ hoạt động môi giới, hoạt động đầu tư và một số hoạt động khác. Trong đó đáng ghi nhận là kết quả hoạt động môi giới đạt doanh thu 7,5 tỷ đồng, hoạt động đầu tư đạt doanh thu 10,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, do thị trường không thuận lợi nên doanh thu một số hoạt động khác của Công ty còn thấp. Doanh thu từ hoạt động tư vấn do tiếp tục chịu ảnh hưởng của tình hình chung nên doanh thu đã thực hiện chỉ đạt 873,5 triệu đồng, tuy nhiên đã tăng cao so với cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ năm 2015 doanh thu hoạt động tư vấn đạt 95,4 triệu đồng).

## 2. Tổ chức, nhân sự

- Năm 2016 là năm đầu tiên sau quá trình hợp nhất với Công ty cổ phần chứng khoán Á Âu, Ban điều hành đã sắp xếp, ổn định được tâm lý cán bộ nhân viên trong toàn Công ty nhờ những định hướng phát triển đúng đắn cũng như nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của cán bộ nhân viên.
- Công ty vẫn hoạt động với mô hình 01 Hội sở và 2 Chi nhánh.

TT	Mạng lưới	Địa chỉ
1	Trụ sở chính	- 24 Cù Chính Lan, Hồng Bàng, Hải Phòng
2	Chi nhánh HN	- Số 4 Tôn Thất Tùng, Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
3	Chi nhánh HCM	- Số 328 Võ Văn Kiệt, Cô Giang, Q1, Tp Hồ Chí Minh

- Trong năm 2016, nhân sự tiếp tục được sắp xếp lại một số vị trí, đến nay đã đi vào ổn định, đến hết năm 2016 tổng số cán bộ nhân viên là 54 người giảm 02 người (tương ứng với giảm 3,6%) so với thời điểm 31/12/2015 được phân bổ ở các đơn vị:
  - + Hội sở: 36 người
  - + Chi nhánh Hà Nội: 9 người
  - + Chi nhánh Hồ Chí Minh: 9 người
- Công ty cũng tạo điều kiện cho CBNV tham gia ôn luyện, thi sát hạch để cấp chứng chỉ hành nghề theo qui định. Năm 2016 có 2 nhân viên được cấp chứng chỉ đại diện sàn và có 03 cán bộ nhân viên được cử đi học để cấp giấy giấy phép hành nghề môi giới, dự kiến giữa năm 2017 sẽ hoàn thành các khóa học.
- Tổng số Chứng chỉ hành nghề của Công ty là 29 chứng chỉ trong đó có 5 chứng chỉ phân tích và 24 chứng chỉ môi giới
- Ngoài ra nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, Công ty đã triển khai một số khóa đào tạo về các nội dung khác nhau như nghiệp vụ, kỹ năng mềm với hình thức đào tạo nội bộ
- Công tác quan hệ lao động (quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật...) và chế độ cho người lao động (lương, BHXH) được thực hiện tốt, không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện. Các nhân viên có đóng góp tích cực đến hoạt động của Công ty được khen thưởng động viên kịp thời.

- Trong năm, Công ty đã chủ động thực hiện nhiều biện pháp để quản lý và tiết giảm chi phí hành chính; tận dụng tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có để phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Đối với công tác kế hoạch, hoạt động triển khai kế hoạch kinh doanh phòng, ban, chi nhánh trong công ty được cập nhật theo dõi hàng tháng qua đó Ban Lãnh đạo Công ty có thể kịp thời đánh giá và đưa ra các giải pháp phù hợp.
- **Thành viên Ban giám đốc, Kế toán trưởng**
- + Ông Vũ Dương Hiền - Tổng giám đốc
- + Ông Nguyễn Anh Trung - Phó Tổng giám đốc
- + Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Phó Tổng giám đốc
- + Bà Nguyễn Thị Thanh - Giám đốc Tư vấn
- + Ông Phạm Đức Phiên - Giám đốc marketing
- + Ông Phạm Công Ngữ - Giám đốc Nhân sự
- + Bà Vũ Thị Thu Huyền – Kế toán trưởng

### 2.1. Ông Vũ Dương Hiền - Tổng giám đốc

- **Họ và tên:** Vũ Dương Hiền; **Giới tính:** Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/09/1942
- Số CMND: 030664890 cấp ngày 12/10/2007 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Minh Tân – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 1/274 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ khoa học kinh tế, kỹ sư kinh tế, Giáo viên cấp II, III
- Chính trị: cao cấp Nguyễn Ái Quốc (*nay là Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*)
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1958 -1964	Đi học Trung cấp, Đại học Sư phạm, Kinh tế	Học sinh
1965	Học trường Chính trị ngành giáo dục, Bí thư đoàn trường	Học sinh
1965 -1967	Trường cấp I, II xã Minh Tân, Thủy Nguyên, HP	Hiệu trưởng
1968 -1977	Xí nghiệp Đồ dùng dạy học, Giáo viên KT cấp III	Bí thư Đảng ủy
1977 -1982	Chuyên viên chính Ban khoa giáo Thành ủy Hải Phòng	Phó Bí thư Chi bộ Ban Khoa giáo thành ủy
1983 -1999	Xí nghiệp Giấy bìa Đồng Tiến, Nhà máy	Chủ tịch HĐQT-Giám



	Giấy Hải Phòng, Công ty CP HAPACO	đốc
1999 - nay	Tập đoàn HAPACO	Chủ tịch HĐQT
	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- **Chức vụ tại Công ty:** Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng
- **Chức vụ nắm giữ ở các tổ chức khác:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn HAPACO
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 3.587.773 CP
- + Sở hữu cá nhân: 3.587.773 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 12,29 %

## 2.2. Ông Nguyễn Anh Trung - Phó Tổng giám đốc

- **Họ và tên:** Nguyễn Anh Trung; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24 tháng 6 năm 1982
- Số CMND: 001082000390 ngày cấp: 22/11/2013 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tập Thể Ga Bắc, Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: P1213 nhà N02, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2005-2006	Vina acercook	Nhân viên kinh doanh
2006	Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	Nhân viên giao dịch
2007-2010	Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng phòng giao dịch chi nhánh
2011-nay	Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng	Giám đốc chi nhánh Hà Nội

- **Chức vụ tại công ty:** Phó Tổng giám đốc - kiêm GD Chi nhánh HN
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 5.121 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân: 5.121 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,017 %

### 2.3. Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Phó tổng giám đốc.

- **Họ và tên:** Nguyễn Thị Nguyệt; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/03/1981
- Số CMND: 031747415 Ngày cấp: 27/08/2008 Nơi cấp: CA Hải Phòng
- Nơi sinh: Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Giang
- Địa chỉ thường trú: 15/146 Hạ Lý – Hồng Bàng – Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 51 Khu TĐC Đằng Hải – P. Đằng Hải – Quận Hải An – Tp.Hải Phòng.
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính ngân hàng
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
2003 – 1/2010	Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Chuyên viên kế toán – lưu ký
1/2010 – 7/2012	Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Phó Phòng kế toán – lưu ký
7/2012 – 3/2013	Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Phó Phòng Giao dịch
3/2013- 26/3/2015	Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ.
29/5/2015- 23/11/2015	Công ty cổ phần Chứng khoán Á Âu	Chủ tịch Hội đồng quản trị
1/1/2016 – 16/3/2016	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Giám đốc chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh
16/3/2016- nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	UV HĐQT , PTGD kiêm GD CNHCM

- **Chức vụ tại công ty:** Phó Tổng giám đốc - kiêm GD Chi nhánh HCM
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 5.000 cổ phần
- + Sở hữu cá nhân: 5.000 CP
- + Đại diện vốn: không CP
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,017 %

#### 2.4. Bà Nguyễn Thị Thanh - Giám đốc Tư vấn

- **Họ và tên:** Nguyễn Thị Thanh; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/04/1962
- Số CMND: 030187040; cấp ngày 12/08/1997 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải An, Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: Số 82 Cát Cụt, phường An Biên, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 82 Cát Cụt, phường An Biên, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân đại học Thương mại
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức vụ công tác
1984 - 1996	Cán bộ giá kiêm kế toán tại Công ty TM XNK Tranxmechco
1997 - 2003	Kế toán tổng hợp Công ty phát triển khu công nghiệp Nomura Hải Phòng
2003 - 2008	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
1/2009 - 9/2016	Giám đốc Tư vấn đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng
9/2016 - nay	Giám đốc Tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc tư vấn
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

#### 2.5. Ông Phạm Đức Phiên – Giám đốc Marketing

- **Họ và tên:** Phạm Đức Phiên; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/10/1975
- Số CMND: 030974534; Ngày cấp: 30/11/2001; Nơi cấp: Công an Hải Phòng

- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 13/17 Lê Lợi, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: Số 14 A4 Lô 6B, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, Hải Phòng.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Chức vụ công tác
1996 -1999	Kế toán Công ty Dược Hải Phòng
1999 - 2000	Quyền TP Kế toán Nhà máy cơ khí chế tạo Hải Phòng
2000 - 2001	Kế toán Công ty cung ứng tàu biển TMDL và DV Hải Phòng
2001 - 4/2003	Trưởng phòng kế toán Cty liên doanh tàu cao tốc VCHK Tân Hải
4/2003 - 11/2003	Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco
11/2003 - 5/2004	Trợ lý TGD Công ty CP Giấy HP Hapaco
5/2004 - 7/2004	Quyền TP Tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco
7/2004 - 12/2006	TP Tài chính kế toán Công ty CP Giấy HP Hapaco
1/2007 - 6/2007	TP Tư vấn đầu tư CTCP quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Hải Phòng
6/2007 - 10/2007	Giám đốc Trung tâm tư vấn đầu tư và kinh doanh tài chính
10/2007 - 8/2001	Giám đốc Công ty CP đầu tư Hafinco
9/2011 - 6/2016	Giám đốc dịch vụ khách hàng Công ty CP chứng khoán Hải Phòng
6/2016 - nay	Giám đốc Marketing Công ty CP chứng khoán Hải Phòng

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc Marketing
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP

## 2.6. Ông Phạm Công Ngữ – Giám đốc Nhân sự

- **Họ và tên:** Phạm Công Ngữ; **Giới tính:** Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/5/1978
- Số CMND: 151166692; Ngày cấp: 31/3/2011; Nơi cấp: Thái Bình
- Nơi sinh: Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Thị trấn Đông Hưng, Thái Bình.
- Nơi ở hiện nay: 41/L6 Khu đô thị PG, An Đông, An Dương, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
2001 – 5/2005	Dự án Môi trường – Công ty Môi trường đô thị Hải Phòng	Chuyên viên dự án
5/2005 - 2011	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Nhân viên
2011- 3/2016	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng phòng HCTH
3/2016 - nay	Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	GD nhân sự

- **Chức vụ tại công ty:** Giám đốc Nhân sự
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 61 CP

## 2.7. Bà Vũ Thị Thu Huyền – Kế toán trưởng

- **Họ và tên:** Vũ Thị Thu Huyền; **Giới tính:** Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01 tháng 12 năm 1978
- Số CMND: 031033914 Cấp ngày: 28/7/2010 Nơi cấp: Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: 51/56 Cầu Cáp - Lam Sơn - Lê Chân - Hải Phòng.
- Nơi ở hiện nay: 8/4/109 Trại Lê, Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
1999-2002	Công ty TNHH Anh Minh	Chuyên viên kế toán
2004-2005	Công ty TNHH TM Tổng hợp Sông	Kế toán tổng hợp

	Hồng	
2005-2007	Công ty Cổ phần truyền thông Minh Quang	Phó phòng kế toán
2007- 2/2016	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Phó phòng Kế toán
3/2016 - 11/2016	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Trưởng BP Kiểm soát nội bộ
12/2016 - nay	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Kế toán trưởng

- Chức vụ tại công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không có
- Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có): Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có): Không có
- Lợi ích liên quan đối với công ty (nếu có): Không có
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 07 cp

### 3. Tình hình tài chính:

#### a. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	362.209.175.624	319.768.895.841	88,28
2	Doanh thu thuần	12.165.110.457	35.703.221.327	293,49
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.422.064.425	18.119.413.874	104,00
4	Lợi nhuận khác	0	-46.872.024	-
5	Lợi nhuận trước thuế	17.422.064.425	18.072.541.850	103,73
6	Lợi nhuận sau thuế	17.422.064.425	18.072.541.850	103,73
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	44.366 %	-

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ Nợ ngắn hạn)	5,78	33,62	581,66
-	Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	5,78	33,62	581,66
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
-	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,15	0,025	16,67
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,026	15,29

<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,033	0,112	339,39
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
1	Lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	1,43	0,508	35,52
2	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	1,43	0,506	35,38
3	Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,048	0,057	118,75
4	Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,056	0,058	103,57

#### 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ sở hữu
<b>a.</b>	<b>Cổ phần</b>		
-	Tổng số cổ phần	29.181.096	
<b>b.</b>	<b>Cơ cấu cổ đông</b>		
-	<b>Cổ đông lớn nắm giữ trên 5%</b>	<b>5.525.510</b>	<b>18,93%</b>
	Ông Vũ Dương Hiền	3.587.773	12,29%
	Công ty cổ phần Tập đoàn Hapaco	1.937.737	6,64%
-	<b>Cổ đông nhỏ nắm giữ dưới 5%</b>	<b>23.655.586</b>	<b>81,07%</b>
	<b>Cổ đông tổ chức &amp; cá nhân</b>		
-	Cổ đông tổ chức	3.725.411	12,76%
-	Cổ đông cá nhân	25.455.685	87,24%
	<b>Cổ đông trong nước &amp; ngoài nước</b>		
-	Cổ đông trong nước	28.865.537	98,92%
-	Cổ đông nước ngoài	315.559	1,08%
	<b>Cổ đông nhà nước &amp; cổ đông không thuộc nhà nước</b>		
-	Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước	-	-%
-	Cổ đông khác	-	-%
<b>c.</b>	<b>Giao dịch cổ phiếu quỹ</b>		
-	Số lượng cổ phiếu quỹ	4.706	0,016%
-	Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm:	0	0

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Hoạt động môi giới

- Trong năm 2016 doanh thu hoạt động môi giới đạt 7,5 tỷ đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015
- Tính đến 31/12/2016 Số tài khoản giao dịch tại HASECO là: 21.241 tài khoản tăng 675 tài khoản so với cuối năm 2015 (tương đương tăng 3,3%), trong đó cá nhân có 21.178 tài khoản; tổ chức có 63 tài khoản.
- Thị phần môi giới của Haseco không có đột phá trong năm 2016

- Trong năm Công ty đã triển khai sản phẩm mới, phần mềm giao dịch qua webtrading và mobiletrading.
- Cơ chế lương khoán đã khuyến khích CBNV phấn đấu đạt doanh số cao, đồng thời tăng khả năng thu hút các môi giới giỏi về với Công ty.
- Trong năm 2016 Công ty không mở thêm điểm tư vấn hay hỗ trợ giao dịch nào.
- Hoạt động môi giới trong năm 2016 vẫn là hoạt động chiếm tỷ trọng quan trọng trong tổng doanh thu của công ty.
- Duy trì tốt hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giao dịch tại Haseco, phần mềm Freewill luôn được đánh giá là hiện đại và đáp ứng được các yêu cầu của các Sở và Nhà đầu tư.
- Năng lực tài chính bảo đảm nhu cầu của Nhà đầu tư. Tỷ lệ vốn khả dụng thời điểm cuối năm 2016 là 337,33%.

## 2. Hoạt động Đầu tư

- Trong năm 2016, hoạt động đầu tư của Haseco khá thận trọng, đảm bảo nguyên tắc an toàn vốn.
- Hoạt động đầu tư của công ty năm 2016 thực hiện được 10,8 tỷ đồng doanh thu, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015. Trong năm thực hiện mục tiêu tái cơ cấu danh mục, Công ty đã tiếp tục thoái vốn tại một số cổ phiếu niêm yết. Ngoài việc bám sát diễn biến thị trường, Công ty cũng đã cải tiến phương pháp đầu tư và bước đầu thu được một số kết quả tích cực.
- Theo dõi nhận cổ tức đầy đủ, xử lý các mã trong danh mục OTC không giải ngân mua thêm.
- Đối với một số doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ có giá trị lớn và chưa thể thoái vốn do không có thanh khoản và chưa tìm được đối tác mua, Công ty đã thường xuyên chủ động cập nhật, nắm bắt các thông tin, cố gắng tham gia sâu hơn vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Đồng thời Công ty tiếp tục tích cực tìm cơ hội thoái vốn hoặc liên kết với các đối tác để đảm bảo quyền lợi của Haseco tại các doanh nghiệp này.
- Ở một số thời điểm nhất định, tính chính xác trong công tác dự báo chưa cao dẫn tới còn bỏ lỡ cơ hội mua/bán tốt nhất có thể.
- Mặc dù đã tăng cường mở rộng mối quan hệ trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán nhưng hiệu quả trong việc tìm kiếm các cơ hội đầu tư/thoái vốn còn hạn chế.

## 3. Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Năm 2016 với những nỗ lực tìm kiếm khách hàng hoạt động Tư vấn của Công ty đã thực hiện tư vấn phát hành tăng vốn, đăng ký công ty đại chúng, quản lý sổ cổ đông... cho nhiều doanh nghiệp trên địa bàn Hải Phòng
- Năm 2016 doanh thu hoạt động Tư vấn của Công ty đạt 873 triệu đồng, tăng cao so với cùng kỳ năm 2015
- Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đến 31/12/2016 vẫn duy trì tư vấn niêm yết 02 Công ty và 7 Công ty thực hiện quản lý sổ cổ đông.
- Hoạt động Tư vấn tài chính trong tình hình khó khăn, tuy nhiên đã cố gắng duy trì hoạt động, củng cố nhân sự để thực hiện tiếp và triển khai các hợp đồng mới
- Xúc tiến tiếp cận các DN để ký kết thêm các hợp đồng tư vấn mới cho các DN trên địa bàn.



#### 4. Duy trì, xây dựng hệ thống quản lý

- **Xây dựng hệ thống qui định hoạt động nghiệp vụ và quản trị rủi ro:** Công ty thường xuyên rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh, bổ sung lại toàn bộ quy chế, quy trình liên quan đến hoạt động hàng ngày gồm: Quy chế lương kinh doanh, các quy trình liên quan đến tổ chức nhân sự; Các quy trình kiểm soát; và các quy định liên quan đến các hoạt động nghiệp vụ khác như; Quy trình nghiệp vụ kế toán lưu ký; Quy chế đầu tư, giao dịch....
- **Thương hiệu:** Năm 2016 hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty không được triển khai.
- **Xây dựng môi trường làm việc:** Công ty tiếp tục tối ưu hóa việc sử dụng phần mềm văn phòng trực tuyến (Portal Office) góp phần rút ngắn thời gian làm việc và trao đổi trong toàn bộ hệ thống. Đảm bảo công việc nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm chi phí.
- **Quản trị rủi ro:** Công ty tiếp tục xử lý các công nợ tồn đọng từ nhiều năm trước. Bước đầu đã đạt được một số kết quả đáng, xử lý được một số các khoản công nợ.

#### 5. Những vấn đề còn tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong năm 2016 Haseco vẫn còn những vấn đề tồn tại sau:

- Công tác thu hồi nợ xấu mặc dù đã có những kết quả nhất định nhưng vẫn còn nhiều khoản nợ xấu chưa thu hồi được do nhiều nguyên nhân.
- Chưa xây dựng được tiêu chí phân loại khách hàng để có những chính sách phục vụ cho phù hợp;
- Các sản phẩm tư vấn chưa đa dạng, sản phẩm tài chính còn một số hạn chế, thiếu linh hoạt, chưa hấp dẫn nhà đầu tư. Công nghệ cần nâng cao tính ổn định và triển khai thêm các tính năng mới.
- Chưa có những chương trình chăm sóc khách hàng cụ thể, thường xuyên
- Mặc dù đã tăng cường tìm kiếm và tuyển dụng thêm nhân sự Môi giới, tuy nhiên số lượng Môi giới nhân sự còn ít so với mặt bằng chung của thị trường. Kỹ năng về tư vấn và chăm sóc khách hàng của đội ngũ Môi giới cần tiếp tục được nâng cao hơn nữa.
- Trong năm 2016, mặc dù có cơ hội tham gia hoạt động tư vấn chuyên sâu (Mua bán sáp nhập, tái cấu trúc) nhưng Haseco chưa tận dụng được do nguồn lực hạn chế.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị ghi nhận sự nỗ lực của toàn thể cán bộ Công ty trong việc thực hiện kế hoạch kinh doanh đã đề ra, trong đó tập trung vào các công việc chính sau:

- Công cuộc cấu trúc lại công ty đạt được nhiều kết quả tốt, nhân sự được sắp xếp hợp lý, các chính sách đối với người lao động đều được thực hiện tốt.
- Hoàn thành việc đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn Upcom với mã chứng khoán là HAC.
- Đã tiến hành trả cổ tức năm 2015 bằng tiền cho cổ đông.
- Mạnh dạn tái cơ cấu danh mục đầu tư niêm yết và một số cổ phiếu chưa niêm yết;

- Tập trung tăng cường công tác xử lý nợ xấu; quản trị rủi ro;
- Triển khai một số sản phẩm dịch vụ mới phục vụ nhà đầu tư như sản phẩm webtrading và mobiletrading
- Kiện toàn một số các quy trình, quy chế nội bộ như các quy trình nghiệp vụ, cơ chế lương khoán, quy định về bảo mật thông tin, quy trình đánh giá nhân viên,...
- Tăng cường thực hiện các hoạt động đào tạo nội bộ nhằm nâng cao chất lượng nhân sự;
- Rà soát, cắt giảm một số chi phí như chi phí hành chính, chi phí nhân sự gián tiếp.
- Các hoạt động nghiệp vụ không để xảy ra rủi ro, thất thoát vốn

#### **Nhưng bên cạnh đó còn những tồn tại:**

- Công ty tồn tại một số hạn chế như nợ xấu dù đã tích cực thu hồi nhưng vẫn còn ở mức cao.

### **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc:**

- Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban Giám đốc. Ban giám đốc thường xuyên họp bàn, phân công giao việc, kiểm tra chéo, hỗ trợ lẫn nhau; thường xuyên báo cáo trực tiếp với Hội đồng quản trị để có hướng chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời.
- Ban giám đốc đã mạnh dạn đề xuất và quyết liệt xử lý các khoản nợ xấu, danh mục đầu tư tồn đọng, tái cơ cấu bộ máy nhân sự và cắt giảm chi phí hợp lý đồng thời tích cực tìm nguồn huy động vốn cho hoạt động kinh doanh, phát triển sản phẩm dịch vụ mới và khai thác nguồn lực từ nhà đầu tư và cổ đông lớn.
- Ban giám đốc đã có các biện pháp cụ thể để ổn định và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong giao dịch, có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh doanh, quản lý đề bộ máy điều hành hoàn thành tốt nhất các chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt quan trọng là giám sát quản trị rủi ro.

### **3. Các kế hoạch định hướng của HĐQT**

Năm 2017, Hội đồng quản trị tiếp tục tăng cường giám sát, hỗ trợ các hoạt động của Ban giám đốc, ưu tiên quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

**HĐQT đưa ra những nhiệm vụ chính với những định hướng phát triển của HASECO năm 2017 như sau:**

#### **3.1 Hoạt động Môi giới**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ, chú trọng đến việc khai thác và chăm sóc các nhóm khách hàng VIP và khách hàng tổ chức. Tiếp tục ổn định đội ngũ kinh doanh, tích cực triển khai thu hút khách hàng và nhân sự tốt
- Nâng cao hiệu suất lao động thông qua cơ chế khoán lương, thưởng gắn với kết quả kinh doanh;
- Tăng cường các ứng dụng công nghệ phục vụ nhà đầu tư. Sắp xếp lại đội ngũ và xây dựng phương án để nâng cao mức doanh thu.
- Triển khai giải pháp phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, cụ thể:
- + Thành lập bộ phận chăm sóc khách hàng chuyên nghiệp và nghiên cứu sản phẩm mới.
- + Đối với khách hàng cá nhân: đây là kênh mà Công ty đang có lợi thế nên tiếp tục đẩy mạnh phát triển thêm nhân sự Môi giới, xây dựng các chính sách sản phẩm về Dịch vụ tài chính, Sản phẩm tư vấn đầu tư, sản phẩm ưu đãi VIP...cho từng nhóm khách hàng cụ thể.

- + Đối với kênh Môi giới trực tuyến: Công ty sẽ tiếp tục nâng cấp thêm các tiện ích mới để phục vụ khách hàng giao dịch trực tuyến gắn với phẩm Webtrading, Sản phẩm Margin

### 3.2 Dịch vụ tài chính – Tư vấn Doanh nghiệp

- Đa dạng hóa số lượng và hình thức cung cấp dịch vụ; Cải tiến các sản phẩm hiện tại theo hướng linh hoạt, thuận tiện với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo an toàn cho Công ty. Chú trọng phát triển công nghệ nhằm gia tăng tiện ích, tăng cường khả năng kiểm soát rủi ro, nâng cao kỹ năng phục vụ khách hàng.
- Kiểm soát chặt rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

### 3.3 Hoạt động Đầu tư

- Cùng cố lại Phòng đầu tư, bám sát các diễn biến của thị trường, các biến động kinh tế, chính trị, xã hội nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng, nâng cao tính nhanh nhạy, chính xác của công tác dự báo, nhận định về xu hướng thị trường, qua đó có các hành động kịp thời thực hiện đầu tư khi thị trường có chuyển biến tích cực.
- Tiếp tục thực hiện quyết liệt việc thoái vốn một số mã còn tồn đọng, sinh lời thấp.
- Thường xuyên tham gia quản trị, kiểm soát các doanh nghiệp mà Công ty đang sở hữu lớn qua việc tham gia HĐQT, BKS, tổ chức thăm doanh nghiệp định kỳ, thiết lập mối quan hệ với các cổ đông khác.
- Tiếp tục dành tỷ trọng vốn hợp lý cho đầu tư ngắn hạn (lướt sóng) để tận dụng các sóng xuất hiện trong năm, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy trình nghiệp vụ tư doanh trong quá trình mua, bán, chỉ đầu tư vào các mã có nền tảng cơ bản tốt, thanh khoản cao, các doanh nghiệp được hưởng lợi từ các chính sách của Nhà nước để có thể thu được lợi nhuận mà không bị động vốn.
- Tăng cường quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư nhằm tăng tính hiệu quả đồng thời đáp ứng các yêu cầu của UBCKNN và các quy định của Công ty.

### 3.4 Hoạt động Kiểm tra, kiểm soát

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro, đáp ứng các yêu cầu của công tác quản trị cũng như các quy định của UBCKNN.
- Rà soát và hoàn thiện các quy trình nghiệp vụ, ban hành các chương trình, kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ và các chế tài xử lý các vi phạm. Bộ phận quản trị rủi ro của Công ty phải được tổ chức, hoạt động hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ các yêu cầu của UBCKNN và Điều lệ của Công ty.
- Tổ chức thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động của các phòng, ban, chi nhánh để cảnh báo, phòng ngừa, phát hiện, kiến nghị xử lý kịp thời các sai phạm, giảm thiểu rủi ro cho Công ty.
- Tiếp tục duy trì hoạt động báo cáo, công bố thông tin theo đúng các quy định.

### 3.5 Công tác tổ chức và các hoạt động khác

- Trình ĐHCĐ thông qua chủ trương chuyển mã chứng khoán HAC của Công ty từ sàn UpCOM sang niêm yết trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Căn cứ vào kết quả kinh doanh năm 2016 đã được kiểm toán, Hội đồng quản trị sẽ trình cổ đông phương án trả cổ tức 5% năm 2016 bằng tiền mặt.

- Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, giảm tỷ lệ lao động gián tiếp, tăng tỷ lệ lao động trực tiếp, tăng cường đào tạo nội bộ nhằm tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng nhân sự kết hợp với việc bổ sung nhân sự có chất lượng cao vào đội ngũ.
- Tiếp tục kiện toàn hệ thống quy trình, quy chế, rà soát và kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của Công ty.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng website mới phù hợp hơn với các thiết bị cầm tay đồng thời làm mới thương hiệu HASECO
- Tăng cường thực hiện các biện pháp phù hợp để xử lý, thu hồi nợ xấu.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- **Trước thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu HĐQT nhiệm kỳ mới)

+ Thành viên HĐQT gồm:

1	Ông Vũ Dương Hiền	CT HĐQT – Thành viên chuyên trách
2	Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên HĐQT
3	Ông Vũ Xuân Thủy	Ủy viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên HĐQT
5	Bà Vũ Thị Thu Huyền	Ủy viên HĐQT
6	Ông Trần Đức Lợi	Ủy viên HĐQT

- **Sau thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu HĐQT nhiệm kỳ mới)

+ Thành viên HĐQT gồm:

1	Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Vũ Xuân Thủy	Phó CT HĐQT	
3	Ông Đoàn Đức Luyện	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Nguyễn Mạnh Cường	Ủy viên HĐQT	Được bầu nhiệm kỳ mới
5	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Ủy viên HĐQT	

#### Thông tin chi tiết thành viên HĐQT:

- \* **Ông Vũ Dương Hiền - Chủ tịch HĐQT** (thông tin như trang 7)
- \* **Ông Đoàn Đức Luyện - Thành viên HĐQT**
  - Họ và tên: Đoàn Đức Luyện; Giới tính: Nam;
  - Ngày, tháng, năm sinh: 20/11/1948
  - Số chứng minh thư nhân dân: 030638620; Cấp ngày 6/4/2005 tại Hải Phòng
  - Nơi sinh: Tân Phong- Kiến Thụy- Hải Phòng
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Dân tộc: Kinh
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44C Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
  - Chỗ ở hiện tại: Số 44C Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ khoa học
- **Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1965-1968	Trường An Dũng, Kiến Thụy, Hải Phòng	Giáo viên, Bí thư Đoàn trường
1968-1971	Bộ đội tại chiến trường B1, Trung đội trưởng, Phó BT đoàn TN	
1971-1974	Cán bộ kiểm soát Hải quan Hà Nội, Hải Phòng	
1974-1981	Sinh viên Đại học Ngoại Thương, CV kế hoạch giá công ty Cung ứng tàu biển Hải Phòng	
1981-1984	Liên hiệp các công ty XNK Hải Phòng	Trưởng phòng kế hoạch giá
1984-1995	Công ty kinh doanh DV Ngoại thương Hải Phòng	Giám đốc kiêm BT Đảng Ủy
1996- 2015	Công ty CP KCN Đình Vũ Hải Phòng	Phó Tổng giám đốc
2015 - nay	Nghỉ hưu	

- Chức vụ tại Công ty: Ủy viên HĐQT
- Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: thù lao Hội đồng quản trị
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 200.000 CP
- + Sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0,68 %

\* **Ông Vũ Xuân Thủy - Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Vũ Xuân Thủy ; Giới tính: Nam;
- Ngày, tháng, năm sinh: 15/12/1966
- Số CMTND: 030977072; cấp ngày 29/11/2000 tại Hải Phòng
- Nơi sinh: Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Minh Tân, Thủy Nguyên, Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: Số 11/33 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
- **Quá trình làm việc:**

19  
NG  
PH  
GI  
PI  
NG

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1986-1989	Trường Đại học Hàng hải Hải Phòng	
1990-nay	Tập đoàn Hapaco	Phó chủ tịch HĐQT

- Chức vụ tại Công ty: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Tập đoàn Hapaco.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT
- Lợi ích liên quan đối với công ty: không
- Số cổ phần HAC nắm giữ: 1.937.737 CP

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện vốn: 1.937.737 cp

- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 6,64%

\* **Bà Nguyễn Thị Nguyệt- Thành viên HĐQT** (Thông tin như trang 9)

\* **Ông Nguyễn Mạnh Cường- Thành viên HĐQT**

- Họ và tên: Nguyễn Mạnh Cường Giới tính: Nam
- Sinh ngày 09/04/1979
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân: 030992445 Cấp ngày: 14/04/2008 Nơi cấp: Hải Phòng
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C6/185 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, Lê Chân, Hải Phòng
- Chỗ ở hiện tại: C6/185 Tôn Đức Thắng, phường An Dương, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đối ngoại
- Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
4/2004 - 7/2007	ACB -HP	Nhân viên
8/2007 - 9/2007	ACBS	Nhân viên
10/2007 - 4/2009	ACBS	Phó Giám đốc
2009 - 3/2017	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng phòng giao dịch
3/2017 - nay	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Thành viên HĐQT - Trưởng phòng giao dịch

- Chức vụ tại Công ty: Trưởng phòng giao dịch
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Thù lao HĐQT

- Lợi ích liên quan đối với công ty: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 CP
- Sở hữu: 0 cổ phần
- Đại diện vốn: 0 cp
- Tỷ lệ %/vốn ĐL: 0%

## 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị luôn đảm bảo các kỳ họp thường kỳ và bất thường luôn có mặt đủ thành viên (*hoặc ủy quyền*), do chủ tịch HĐQT chủ trì, các cuộc họp đều có mời Trưởng ban kiểm soát. Nội dung các kỳ họp đều có sự trao đổi bàn bạc, báo cáo kết quả hoạt động điều hành các thành viên đã đóng góp ý kiến, giải pháp để Ban giám đốc thực hiện. Nghị quyết HĐQT được thông báo đến tất cả cán bộ chủ chốt và phân tích rõ nguyên nhân và có hướng xử lý các tồn tại.
- Thông qua các chủ trương để Ban giám đốc đưa ra biện pháp cụ thể để ổn định và đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong giao dịch, có những giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy kinh doanh, quản lý để bộ máy điều hành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt quan trọng là giám sát quản trị rủi ro.
- Các thành viên HĐQT đều có ý thức trách nhiệm cao, phát huy khả năng cộng sự để Công ty có được kết quả kinh doanh tốt trong năm 2016, hỗ trợ tích cực để Ban giám đốc làm tốt công tác điều hành kinh doanh.
- HĐQT đã phê chuẩn những đề xuất của Ban giám đốc về các chính sách, các dịch vụ và các công cụ tiện ích để thu hút khách hàng, hỗ trợ khách hàng thuận lợi hơn trong đầu tư. Mặt khác điều chỉnh và ban hành cơ chế lương mới nhằm phù hợp hơn trong giai đoạn hiện nay, bên cạnh cơ chế lương khoán cho nhân viên môi giới vẫn được áp dụng nhằm tạo động lực trong việc mở rộng thị phần và phục vụ khách hàng giao dịch.
- HĐQT đã đôn đốc Ban giám đốc thực hiện việc tiết kiệm chi phí, sắp xếp lại nhân sự sau khi hợp nhất, thu hồi công nợ.
- Bên cạnh đó các hoạt động nghiệp vụ không để xảy ra rủi ro, thất thoát vốn

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

- **Trước thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới) thành viên Ban kiểm soát gồm:
  1. Bà Lê Thị Vê - Trưởng ban
  2. Bà Nguyễn Thị Luyến - Thành viên
  3. Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang – Thành viên
  4. Bà Nguyễn Thị Nhân - Thành viên
- **Sau thời điểm 5/3/2016** (là thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2016, bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới) thành viên Ban kiểm soát gồm:
  1. Bà Lê Thị Mai Anh - Trưởng BKS
  2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang - Ủy viên
  3. Bà Đoàn Thị Thúy - Ủy viên
- \* **Bà Lê Thị Mai Anh - Trưởng ban kiểm soát:**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15 tháng 12 năm 1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 16 đường 3 khu Sao Đỏ- Anh Dũng- Dương Kinh- Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại: Không
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- **Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2004-2007	CTCP Vận tải CNTT Bình Định	Phụ trách xuất nhập khẩu - Phòng Kế toán XNK
2007-2009	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Đại diện giao dịch sở GDCK Hà Nội
2009-2011	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Chuyên viên- Kiểm soát nội bộ
2011- nay	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng bộ phận- Kiểm soát nội bộ
3/2016- nay	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng Ban kiểm soát

- Số cổ phần HAC nắm giữ : 3.658 CP
- + Sở hữu cá nhân: 3.658 cổ phần
- + Đại diện vốn: 0 cổ phần
- \* **Bà Đoàn Thị Thúy – Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 03/06/1984.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Hải Phòng
- Địa chỉ: Số 408B Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại: Không
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công tác
3/2007- 3/2009	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Nhân viên Môi giới
4/2009-3/2013	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ
4/2013- nay	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Trưởng bộ phận Quản trị rủi ro
Từ 05/3/2016- nay	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Thành viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần HAC nắm giữ: 1.251 CP
- + Sở hữu cá nhân: 1.251 cổ phần
- + Đại diện vốn: 0 cổ phần
- \* **Bà Nguyễn Thị Mỹ Trang**



- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 14/8/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Quê quán: Ý Yên – Nam Hà
- Địa chỉ: 2B/19/90/191 đường Đà Nẵng, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng
- Chức vụ hiện tại : Luật sư Tập đoàn Hapaco
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật
- **Quá trình làm việc:**

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí công việc
2001-2006	Công ty AC Nielsen Việt Nam	Trưởng nhóm
2006-2008	CTCP xây dựng và kinh doanh nhà Phát Đạt- Tp.HCM	Trợ lý Giám đốc kinh doanh
2008-2009	Công ty bất động sản SAPro	Sales, Trợ lý Giám đốc kinh doanh
4/2010-2/2012	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Nhân viên pháp chế
3/2012 – 5/2014	CTCP Chứng khoán Hải Phòng	Luật sư
5/2014 - Nay	Tập đoàn Hapaco	Luật sư

- Số cổ phần nắm giữ: 146 CP
- + Sở hữu cá nhân: 146 cổ phần
- + Đại diện vốn : 0 cổ phần

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Nhiệm vụ của các thành viên:
  - + Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung, xây dựng chương trình, kế hoạch năm và giám sát triển khai. Xem xét kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
  - + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban kiểm soát. Các thành viên trong Ban thực hiện nhiệm vụ và tham gia các công tác khác khi được Trưởng ban phân công.
  - + Thực hiện đúng quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, kèm theo quy chế tổ chức và hoạt động của BKS đã được sửa đổi, bổ sung.
  - + Thông qua và Thống nhất chương trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016.
  - + Tham gia ý kiến với HĐQT về công tác quản lý tài chính cũng như các công tác khác trong Công ty.
- Năm 2016, sau các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã báo cáo kết quả kiểm tra trình HĐQT Công ty. Qua kết quả kiểm tra về cơ bản Công ty đã chấp hành đúng chế độ chứng từ theo quy định về chế độ kế toán và tuân thủ quy trình nghiệp vụ và các quy định, quy chế của Công ty.
- Công ty tiếp tục cắt giảm chi tiêu, điều chỉnh nhân sự và điều hành sát sao các bộ phận, các Chi nhánh để phấn đấu thực hiện hoàn thành mức chỉ tiêu lợi nhuận mà kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra

- Các hoạt động của Công ty đều phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh, Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện các văn bản, quyết định về tiết giảm chi phí, điều chỉnh nhân lực, đảm bảo kinh doanh đạt hiệu quả và ngày càng phát triển. HĐQT, Ban giám đốc Công ty tiếp tục các biện pháp tích cực, kiên quyết chỉ đạo Hội đồng xử lý nợ cùng cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi.

#### **Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Năm 2016 công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo chương trình kế hoạch đã xây dựng và ngày càng được tăng cường, đặc biệt là được sự quan tâm và tạo điều kiện của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty, Ban kiểm soát đã thực hiện được đúng quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ của mình cụ thể qua kết quả dưới đây:
  - Hàng tháng được tham dự họp HĐQT và tham gia ý kiến vào các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và những quy định, quy chế quản lý điều hành của Công ty.
  - Tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin kinh tế như: Báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, các nghị quyết, quy định, quy chế quản lý, quy chế tiền lương, các quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng cán bộ phát hành từ Hội đồng quản trị và Lãnh đạo Công ty.
- **Chức năng kiểm tra:**
  - + Đã tiếp nhận, kiểm tra các thông tin từ các cổ đông để phản ánh, kiến nghị với Hội đồng quản trị xử lý kịp thời.
  - + Ngoài việc tiếp nhận kiểm tra các hoạt động kinh doanh từ công ty hàng tháng, quý, năm, Ban kiểm soát còn tổ chức thực hiện kiểm tra 03 đợt theo chương trình kế hoạch công tác đã được xây dựng.
- **Chức năng giám sát:**
  - Ban kiểm soát đã giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty.
  - Trong năm 2016, Ban Kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên yêu cầu xem xét về hoạt động của Công ty, về việc điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

### **3. Các giao dịch của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, và Ban kiểm soát.**

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm:** Không
- Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến kiểm toán (trích nguyên văn)**

Số: 662 /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được lập ngày 16 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm:

Trang 25

Tel: (84-31)3842332 | Fax: (84-31)3746266 | Trụ sở: Số 24 Cù Chính Lan - Hồng Bàng - Hải Phòng

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

*(Đã ký và đóng dấu)*

*(đã ký)*

**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

*Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2017*

## 2. Bảng cân đối kế toán

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 (VND).	01/01/2016 (VND).
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>267.931.168.440</b>	<b>264.042.065.743</b>
<b>110</b>	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>251.962.943.904</b>	<b>258.860.939.557</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	61.170.885.450	79.215.346.304
111.1	1.1 Tiền		17.170.885.450	49.315.346.304
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	29.900.000.000
112	1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	5	5.928.456.671	57.617.769.406
113	2. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	137.600.000.000	74.350.000.000
114	3. Các khoản cho vay	5	13.215.272.451	4.305.278.604
115	4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	11.279.838.990	7.997.986.970
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài	5	(1.971.703.005)	(9.550.029.239)
117	6. Các khoản phải thu	6	4.917.956.614	2.541.898.128
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	303.641.600
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		4.917.956.614	2.238.256.528
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		100.000.000	100.000.000
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		4.817.956.614	2.138.256.528
118	7. Trả trước cho người bán	11	22.529.337.662	23.656.075.662
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán	6	71.335.741.765	94.775.718.028
122	9. Các khoản phải thu khác	6	2.704.430.118	2.704.920.418
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	7	(76.747.272.812)	(78.754.024.724)
<b>130</b>	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>15.968.224.536</b>	<b>5.181.126.186</b>
131	1. Tạm ứng	8	12.345.630.000	1.250.163.300
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	56.267.478	364.635.828
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10	186.294.146	186.294.146
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.715.316.364	1.715.316.364
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	36	1.664.716.548	1.664.716.548
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>51.837.727.401</b>	<b>50.158.096.179</b>
<b>210</b>	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
212	1. Các khoản đầu tư	12	5.000.000.000	5.000.000.000
212.4	1.11 Đầu tư dài hạn khác		15.073.400.000	15.073.400.000
213	1.11 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(10.073.400.000)	(10.073.400.000)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>9.258.873.247</b>	<b>6.128.082.814</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5.102.461.503	2.561.289.738
222	- Nguyên giá		17.931.995.900	15.285.283.312
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.829.534.397)	(12.723.993.574)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	4.156.411.744	3.566.793.076
228	- Nguyên giá		17.160.053.480	14.543.353.480
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.003.641.736)	(10.976.560.404)
<b>240</b>	<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>15</b>	<b>24.284.683.636</b>	<b>24.284.683.636</b>
<b>250</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>13.294.170.518</b>	<b>14.745.329.729</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	2.000.000	2.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	9	13.148.563.137	14.623.329.729
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	143.607.381	120.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>319.768.895.841</b>	<b>314.200.161.922</b>

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 (VND)	01/01/2016 (VND)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>7.969.687.787</b>	<b>4.967.137.497</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>7.969.687.787</b>	<b>4.967.137.497</b>
318	1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	12.094.000	561.827.000
320	2. Phải trả người bán ngắn hạn	18	253.414.500	5.344.500
321	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		68.200.500	276.950.000
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	1.139.061.463	648.601.758
323	5. Phải trả người lao động		1.147.559.786	1.098.326.496
324	6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		74.350.513	69.000.315
325	7. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	195.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	4.424.592.308	2.110.975.932
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		850.414.717	1.111.496
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>311.799.208.054</b>	<b>309.233.024.425</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>311.799.208.054</b>	<b>309.233.024.425</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		291.763.900.000	291.810.960.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		291.810.960.000	291.810.960.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		291.810.960.000	291.810.960.000
411.5	1.2 Cổ phiếu quỹ		(47.060.000)	-
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		871.103.221	-
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		871.103.221	-
417	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18.293.101.612	17.422.064.425
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.293.101.612	17.422.064.425
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>319.768.895.841</b>	<b>314.200.161.922</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		29.176.390	29.181.096
007	2. Cổ phiếu quỹ		4.706	-
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	24	4.830.600.000	34.242.080.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	25	36.659.690.000	25.733.930.000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	26	1.328.610.560.000	1.151.345.460.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		1.197.333.660.000	1.021.042.010.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		125.027.900.000	121.446.120.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.249.000.000	8.857.330.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	27	1.650.580.000	961.810.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		1.150.580.000	857.150.000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		500.000.000	104.660.000
026	3. Tiền gửi của khách hàng	28	61.246.211.477	48.009.013.702
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		60.038.121.946	47.989.764.336
029	3.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		130.042.833	19.249.366
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		121.565.422	10.720.673
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		8.477.411	8.528.693
030	3.3 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.078.046.698	-
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng	29	60.168.164.779	48.009.013.702
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		60.131.398.926	47.698.708.417
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		36.765.853	310.305.285
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30	1.078.046.698	-

## 3. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016. (VND).	Từ 23/11/2015. đến 31/12/2015. (VND).	
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	10.800.104.553	1.306.073.620	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	8.396.268.453	-
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	32.b)	2.403.836.100	1.306.073.620
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32.b)	8.666.013.196	3.483.039.305
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	32.b)	1.060.119.536	-
06	1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		7.572.473.410	650.222.497
09	1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		588.413.836	54.905.664
10	1.10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		873.563.634	95.378.068
11	1.11	Thu nhập hoạt động khác	32.c)	3.512.265.633	6.575.491.303
<b>20</b>	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>33.072.953.798</b>	<b>12.165.110.457</b>	
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	747.044.188	9.697.278.400	
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	32.a)	747.044.188	9.697.278.400
24	2.4	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	(9.585.078.146)	(17.542.100.300)	
26	2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	1.408.750.048	-	
27	2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	11.131.243.775	1.114.839.164	
30	2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	658.241.060	8.219.904	
31	2.11	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	696.299.810	48.650.000	
<b>40</b>	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>5.056.500.735</b>	<b>(6.673.112.832)</b>	

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016. (VND).	Từ 23/11/2015. đến 31/12/2015. (VND)
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		2.630.267.529	-
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>2.630.267.529</b>	-
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
52	4.2 Chi phí lãi vay		48.136.111	-
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>48.136.111</b>	-
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>33</b>	<b>12.479.170.607</b>	<b>1.416.158.864</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>18.119.413.874</b>	<b>17.422.064.425</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
71	8.1 Thu nhập khác	34	318.181.818	-
72	8.2 Chi phí khác	35	365.053.842	-
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(46.872.024)</b>	-
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>18.072.541.850</b>	<b>17.422.064.425</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		18.072.541.850	17.422.064.425
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>36</b>	-	-
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>18.072.541.850</b>	<b>17.422.064.425</b>
500	<b>XIII THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	37	619	597

HASECO AN G



## 4. Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
			VND	VND
	1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		18.072.541.850	17.422.064.425
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao tài sản cố định		3.483.850.793	232.871.486
04	- Các khoản dự phòng		(9.585.078.146)	(17.924.902.926)
06	- Chi phí lãi vay		48.136.111	-
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.810.919.405)	-
08	- Dự thu tiền lãi		(3.089.500.000)	-
30	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(10.326.605.909)	29.925.608.192
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		51.689.312.735	(9.427.614.000)
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(63.250.000.000)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(8.909.993.847)	2.925.353.115
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		(3.281.852.020)	16.850.920.000
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		303.641.600	(303.641.600)
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		-	(1.862.112.084)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		23.231.226.763	19.023.018.974
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(23.117.081)	7.000.390.251
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(11.095.466.700)	(347.790.836)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(195.000.000)	-
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		1.783.134.942	-
44	- Lãi vay đã trả		(48.136.111)	-
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		1.374.808.000	(83.305.000)
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		5.350.198	-
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		490.459.705	538.442.988
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		49.233.290	-
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(2.428.407.383)	(4.388.053.616)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(21.800.000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.207.574.706)	29.655.641.177

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.792.640.000)	-
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		318.181.818	-
65	5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.080.536.275	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.606.078.093	-
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
72	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(248.716)	-
73	3. Tiền vay gốc		37.100.000.000	-
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.100.000.000)	-
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(37.100.000.000)	-
76	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(10.442.715.525)	-
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(10.442.964.241)	-
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(18.044.460.854)	29.655.641.177
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		79.215.346.304	49.559.705.127
101.1	- Tiền		49.315.346.304	14.159.705.127
101.2	- Các khoản tương đương tiền		29.900.000.000	35.400.000.000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		61.170.885.450	79.215.346.304
103.1	- Tiền		17.170.885.450	49.315.346.304
103.2	- Các khoản tương đương tiền		44.000.000.000	29.900.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Năm 2016

**1. THÔNG TIN CHUNG****1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 23 tháng 11 năm 2015, trên cơ sở hợp nhất Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 13/UBCK-GP ngày 21/10/2003) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu (Giấy phép thành lập và hoạt động số 75/UBCK-GP ngày 21/12/2007).

Trụ sở của Công ty tại: Số 24, Đường Cù Chính Lan, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 291.810.960.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 291.810.960.000 đồng; tương đương 29.181.096 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 328, Võ Văn Kiệt, Lầu 4, Center Garden, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng - Chi nhánh Hà Nội	Số 4, Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

**2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 23/11/2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 119/GP-UBCK và kết thúc vào ngày 31/12/2015.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 có hiệu lực thi hành từ năm tài chính 2016, riêng các quy định về giá trị hợp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Công ty đã thực hiện trình bày lại số liệu báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 theo quy định của Thông tư 210 và Thông tư 334 khi so sánh với số liệu năm nay.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

### 2.5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

#### a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính

ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

## b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được trích lập khi công ty phát sinh rủi ro cho vay trong các nghiệp vụ cho vay theo quy định của Luật chứng khoán do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết vay.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh.
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

### c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Năm 2016 Luật Chứng khoán chưa cho phép áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý nên Công ty không áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trong ghi nhận giá trị tài sản tài chính.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính năm tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

### 2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 02 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 10 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch, bằng sáng chế 02 - 08 năm

### 2.7. Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

## 2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được trình bày trên chỉ tiêu "Chi phí quản lý công ty chứng khoán" trên Báo cáo kết quả hoạt động.

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: Phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: Phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## 2.11. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

### 2.13. Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

### 2.14. Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty



Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

## 2.15. Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

## 2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	6.272.881	132.113.615.000
- Cổ phiếu	6.272.881	132.113.615.000
Của nhà đầu tư	284.201.939	3.287.829.024.400
- Cổ phiếu	284.201.939	3.287.829.024.400
	<b>290.474.820</b>	<b>3.419.942.639.400</b>

## 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	17.155.193.055	48.723.510.441
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	15.692.395	591.835.863
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	29.900.000.000
	<b>61.170.885.450</b>	<b>79.215.346.304</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,0%/năm.

## 5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

## a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	5.928.456.671	4.546.395.540	42.616.548.806	38.294.539.800
Cổ phiếu Upcom	-	-	15.001.220.600	14.737.081.200
	<b>5.928.456.671</b>	<b>4.546.395.540</b>	<b>57.617.769.406</b>	<b>53.031.621.000</b>

(\*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết được xác định căn cứ trên giá trị thị trường tại ngày 31/12/2016.

## b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (**) VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.279.838.990		7.997.986.970	
	<b>11.279.838.990</b>		<b>7.997.986.970</b>	

(\*\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trái phiếu <sup>(1)</sup>	74.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên <sup>(2)</sup>	63.600.000.000	74.350.000.000
	<b>137.600.000.000</b>	<b>74.350.000.000</b>

- (1) Trong năm, Công ty thực hiện mua trái phiếu theo Nghị quyết số 113/216/NQ-CKHP ngày 24/06/2016 của Hội đồng quản trị với các thông tin chi tiết sau:  
 Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Kỹ nghệ nôi hơi Sài Gòn;
- Gòn;
  - Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Kỹ nghệ nôi hơi Sài Gòn;
  - Địa chỉ: Lô G-10 đường N3-D3, khu công nghiệp Nam Tân Uyên, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Việt Nam;
  - Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, tổ chức phát hành có thể mua lại trước thời điểm đáo hạn;
  - Kỳ hạn: 5 năm;
  - Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000.000 đồng/trái phiếu;
  - Ngày phát hành trái phiếu: 15/07/2016;
  - Lãi suất trái phiếu: cố định 9%/năm;
  - Kỳ trả lãi trái phiếu: 3 tháng/lần.

(2) Tại ngày 31/12/2016, số dư bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến 15 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6%/năm đến 7,4%/năm.

## d) Các khoản cho vay

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Hoạt động margin	11.089.278.921	-
Hoạt động ứng trước tiền bán	2.125.993.530	4.305.278.604
	<b>13.215.272.451</b>	<b>4.305.278.604</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Số 24, Đường Cù Chính Lan,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)****e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC		
		VND	VND		
<b>FVTPL</b>		<b>5.928.456.671</b>	<b>4.546.395.540</b>	<b>(1.971.703.005)</b>	<b>2.618.411.619</b>
Cổ phiếu niêm yết		5.638.021.450	3.724.313.640	(1.971.113.605)	2.354.861.619
- CTT	345.000	4.048.500.000	2.553.000.000	(1.495.500.000)	213.000.000
- DP3	30.000	910.000.000	966.000.000	-	401.200.000
- HAP	62.176	657.966.081	192.745.600	(465.220.481)	(146.923.300)
- SSI	-	-	-	-	738.000.000
- SAM	-	-	-	-	1.145.945.220
- Cổ phiếu khác		21.555.369	12.568.040	(10.393.124)	3.639.699
Cổ phiếu Upcom		290.435.221	822.081.900	(589.400)	263.550.000
- HPP	43	1.741.921	1.978.000	-	262.780.700
- DCD	40.000	288.000.000	820.000.000	-	-
- Cổ phiếu lẻ khác		693.300	103.900	(589.400)	769.300



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Số 24, Đường Cù Chính Lan,  
 Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)****e) Bảng tình hình biến động giá trị thị trường**

	Cơ sở lập dự phòng năm nay			Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập năm nay
	Số lượng	Giá sổ sách kế toán	Giá thị trường tại thời điểm lập BCTC		
		VND	VND		
<b>AFS</b>		<b>11.279.838.990</b>	-	<b>(4.959.914.615)</b>	<b>4.959.914.615</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết		11.279.838.990	-	(4.959.914.615)	4.959.914.615
- Công ty CP Bao bì Bia-Rượu-Nước Giải khát (*)	17.710	180.642.000	-	(56.672.000)	56.672.000
- Công ty CP Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam (*)	104.641	643.956.600	-	(313.814.245)	313.814.245
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải (*)	132.709	1.881.600.000	-	(1.483.473.000)	1.483.473.000
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8 (*)	133.333	1.906.788.370	-	(1.773.455.370)	1.773.455.370
- Công ty CP Dệt may Đông Á (*)	20.000	360.000.000	-	(320.000.000)	320.000.000
- Công ty Cổ phần Đúc Tân Long (*)	990.910	5.648.187.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bột mì Bình An (*)	266.666	658.665.020	-	-	-
- Công ty CP SIVICO	-	-	-	(304.500.000)	304.500.000
- Tổng Công ty đầu tư phát triển xây dựng (DIC Group)	-	-	-	(708.000.000)	708.000.000
		<b>17.208.295.661</b>	<b>4.546.395.540</b>	<b>(1.971.703.005)</b>	<b>7.578.326.234</b>

**Ghi chú:**

(\*) Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, do không xác định được giá thị trường của chứng khoán nên Công ty không thực hiện trích lập dự phòng tại thời điểm 31/12/2016.



## 6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	303.641.600
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	4.917.956.614	2.238.256.528
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	71.335.741.765	94.775.718.028
- Phải thu Sở Giao dịch Chứng khoán	-	1.666.667
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	-	21.510.000.000
- Phải thu lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	-	655.813.784
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.179.500.000	19.179.500.000
- Phải thu lãi hợp đồng mua bán cổ phiếu kỳ hạn	2.995.764.220	2.995.764.220
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	48.419.621.445	50.426.373.357
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	721.656.100	6.600.000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	19.200.000	-
Phải thu khác	2.704.430.118	2.704.920.418
- Phải thu tiền mua cổ phần	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phải thu Công ty Cổ phần chứng khoán Á Âu	188.050.000	-
Phải thu khác	16.380.118	204.920.418
	<b>78.958.128.497</b>	<b>100.022.536.574</b>

11  
 HỘI  
 ĐỒNG  
 QUẢN  
 LÝ  
 BAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Số 24, Đường Cù Chính Lan,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**7 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay				Năm trước VND
		Số đầu năm	Số trích lập VND	Số hoàn nhập VND	Số cuối năm VND	
- Phải thu về mua bán cổ phiếu kỳ hạn	19.179.500.000	(19.179.500.000)	-	-	(19.179.500.000)	(19.179.500.000)
- Phải thu lãi hợp đồng mua bán cổ phiếu kỳ hạn	2.995.764.220	(2.995.764.220)	-	-	(2.995.764.220)	(2.995.764.220)
- Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	48.419.621.445	(50.426.373.357)	-	2.006.751.912	(48.419.621.445)	(50.426.373.357)
- Ứng trước tiền cho nhà cung cấp	3.637.928.500	(3.637.788.500)	-	-	(3.637.788.500)	(3.637.788.500)
- Phải thu khác	2.514.730.310	(2.514.598.647)	-	-	(2.514.598.647)	(2.514.598.647)
	<b>76.747.544.475</b>	<b>(78.754.024.724)</b>	<b>-</b>	<b>2.006.751.912</b>	<b>(76.747.272.812)</b>	<b>(78.754.024.724)</b>

## 8 . TẠM ỨNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phạm Trung Thành	9.500.000.000	-
Vũ Thị Ngọc Lan	1.995.500.000	528.322.500
Huỳnh Chí Tâm	124.000.000	-
Các đối tượng khác	726.130.000	721.840.800
	<b><u>12.345.630.000</u></b>	<b><u>1.250.163.300</u></b>

## 9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	18.080.443	84.465.828
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	38.187.035	280.170.000
	<b><u>56.267.478</u></b>	<b><u>364.635.828</u></b>

## b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn phát sinh khi hợp nhất	13.139.396.757	14.599.329.729
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.166.380	24.000.000
	<b><u>13.148.563.137</u></b>	<b><u>14.623.329.729</u></b>

## 10 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

## a) Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	186.294.146	186.294.146
	<b><u>186.294.146</u></b>	<b><u>186.294.146</u></b>

## b) Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	2.000.000	2.000.000
	<b><u>2.000.000</u></b>	<b><u>2.000.000</u></b>

## 11 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	18.140.807.362	19.440.807.362
- Nhà cung cấp khác	4.388.530.300	4.215.268.300
	<b><u>22.529.337.662</u></b>	<b><u>23.656.075.662</u></b>

C/7  
 TY  
 AN  
 HO  
 ONI  
 PH



## 12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
	VND	VND	VND	VNI
Công ty Cổ phần Hải Hà	5.000.000.000	-	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Gỗ Placo	10.073.400.000	(10.073.400.000)	10.073.400.000	(10.073.400.000)
	<b>15.073.400.000</b>	<b>(10.073.400.000)</b>	<b>15.073.400.000</b>	<b>(10.073.400.000)</b>

## 13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng VNI
			VND	
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2016	12.998.451.482	2.076.793.912	210.037.918	15.285.283.312
Mua trong năm	362.340.000	3.813.600.000	-	4.175.940.000
Phân loại lại	(440.478.566)	(38.584.400)	479.062.966	
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.529.227.412)	-	(1.529.227.412)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>12.920.312.916</b>	<b>4.322.582.100</b>	<b>689.100.884</b>	<b>17.931.995.900</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	10.865.613.451	1.690.416.624	167.963.499	12.723.993.574
Khấu hao trong năm	1.181.190.235	275.579.226	-	1.456.769.461
Phân loại lại	(482.529.858)	(38.584.400)	521.114.258	
Thanh lý, nhượng bán		(1.351.228.638)		(1.351.228.638)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>11.564.273.828</b>	<b>576.182.812</b>	<b>689.077.757</b>	<b>12.829.534.397</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	2.132.838.031	386.377.288	42.074.419	2.561.289.738
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.356.039.088</b>	<b>3.746.399.288</b>	<b>23.127</b>	<b>5.102.461.503</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.447.796.108 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2016	2.095.274.540	12.448.078.940	14.543.353.480
Mua trong năm	-	2.616.700.000	2.616.700.000
Phân loại lại	133.490.000	(133.490.000)	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>2.228.764.540</b>	<b>14.931.288.940</b>	<b>17.160.053.480</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2016	1.613.955.368	9.362.605.036	10.976.560.404
Khấu hao trong năm	277.700.748	1.749.380.584	2.027.081.332
Phân loại lại	97.585.908	(97.585.908)	-
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>1.989.242.024</b>	<b>11.014.399.712</b>	<b>13.003.641.736</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2016	481.319.172	3.085.473.904	3.566.793.076
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>239.522.516</b>	<b>3.916.889.228</b>	<b>4.156.411.744</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 15 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>24.284.683.636</b>	<b>24.284.683.636</b>
Lô đất số 9 Hoàng Diệu Thành phố Hải Phòng (*)	24.284.683.636	24.284.683.636
	<b>24.284.683.636</b>	<b>24.284.683.636</b>

(\*) Số dư phản ánh các chi phí liên quan đến việc đầu tư xây dựng trụ sở phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty vẫn đang tiếp tục hoàn tất các thủ tục pháp lý cũng như huy động nguồn vốn để tiếp tục triển khai thực hiện dự án.

## 16 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	23.023.057	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	584.324	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>143.607.381</b>	<b>120.000.000</b>

## 17 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	919.000	652.000
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	11.175.000	561.175.000
	<b>12.094.000</b>	<b>561.827.000</b>

**18 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN****a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Kỹ Thuật Sáng Tạo	234.570.000	-
Phải trả các đối tượng khác	18.844.500	5.344.500
	<b>253.414.500</b>	<b>5.344.500</b>

**b) Phải trả người bán chi tiết theo nội dung**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả mua hàng hóa, dịch vụ	253.414.500	5.344.500
	<b>253.414.500</b>	<b>5.344.500</b>

**19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	100.302.086	533.001.109
Thuế Thu nhập cá nhân	1.038.759.377	112.600.649
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000
	<b>1.139.061.463</b>	<b>648.601.758</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	4.173.228.475	27.749.000
Phải trả tiền mua cổ phiếu quỹ theo phương án hợp nhất	46.811.284	-
Phải trả thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	-	336.772.642
Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư khi chưa cất tiền	-	1.568.002.215
Các khoản phải trả, phải nộp khác	204.552.549	178.452.075
	<b>4.424.592.308</b>	<b>2.110.975.932</b>

**21 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU****a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	31/12/2016	Tỷ lệ	01/01/2016
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Vũ Dương Hiền	12,30%	35.877.730.000	12,30%	35.877.730.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	6,64%	19.377.370.000	6,64%	19.377.370.000
Các cổ đông khác	81,04%	236.461.740.000	81,06%	236.555.860.000
Cổ phiếu quỹ	0,02%	47.060.000	0,00%	-
	<b>100%</b>	<b>291.763.900.000</b>	<b>100%</b>	<b>291.810.960.000</b>

## b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	18.293.101.612	17.422.064.425
	<b>18.293.101.612</b>	<b>17.422.064.425</b>

## c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	17.422.064.425	-
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	18.072.541.850	17.422.064.425
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến 31/12	35.494.606.275	17.422.064.425
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(2.613.309.663)	-
- Quỹ dự trữ điều lệ	(871.103.221)	-
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(871.103.221)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	(871.103.221)	-
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến 31/12/2016</b>	<b>32.881.296.612</b>	<b>17.422.064.425</b>
Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn năm nay tại 31/12/2016	14.588.195.000	-
<b>Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn</b>	<b>14.588.195.000</b>	<b>-</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 46/2016/NQ-CKHP ngày 05 tháng 03 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	17.422.064.425
Trích Quỹ dự trữ điều lệ	5,00%	871.103.221
Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5,00%	871.103.221
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5,00%	871.103.221
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ)	83,73%	14.588.195.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,27%	220.559.762

## 22 . CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	4.830.600.000	34.242.080.000
	<b>4.830.600.000</b>	<b>34.242.080.000</b>

## 23 . CHỨNG KHOÁN CHƯA NIÊM YẾT CHƯA LƯU KÝ CỦA CÔNG TY

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Loại <= 1 năm	16.659.690.000	25.733.930.000
Loại lớn hơn 1 năm	20.000.000.000	-
	<b>36.659.690.000</b>	<b>25.733.930.000</b>

24	. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	4.830.600.000	34.242.080.000
		<b>4.830.600.000</b>	<b>34.242.080.000</b>
25	. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	36.659.690.000	25.733.930.000
		<b>36.659.690.000</b>	<b>25.733.930.000</b>
26	. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.197.333.660.000	1.021.042.010.000
	Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	125.027.900.000	121.446.120.000
	Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.249.000.000	8.857.330.000
		<b>1.328.610.560.000</b>	<b>1.151.345.460.000</b>
27	. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.150.580.000	857.150.000
	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	500.000.000	104.660.000
		<b>1.650.580.000</b>	<b>961.810.000</b>
28	. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
	<b>Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán</b>	<b>60.038.121.946</b>	<b>47.989.764.336</b>
	1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	60.038.121.946	47.989.764.336
	1.1. Nhà đầu tư trong nước	60.009.833.504	47.687.987.744
	1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	28.288.442	301.776.592
	<b>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư</b>	<b>130.042.833</b>	<b>19.249.366</b>
	1. Nhà đầu tư trong nước	121.565.422	10.720.673
	2. Nhà đầu tư nước ngoài	8.477.411	8.528.693
	<b>Tiền gửi của tổ chức phát hành</b>	<b>1.078.046.698</b>	-
	1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	1.078.046.698	-
		<b>61.246.211.477</b>	<b>48.009.013.702</b>

29 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	60.168.164.779	48.009.013.702
1.1. Nhà đầu tư trong nước	60.131.398.926	47.698.708.417
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	36.765.853	310.305.285
	<b>60.168.164.779</b>	<b>48.009.013.702</b>
<b>30 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.078.046.698	-
	<b>1.078.046.698</b>	-
<b>31 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	11.089.278.921	-
1.1 Phải trả gốc margin	11.089.278.921	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	11.089.278.921	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.125.993.530	4.305.278.604
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.125.993.530	4.305.278.604
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	2.125.993.530	4.305.278.604
	<b>13.215.272.451</b>	<b>4.305.278.604</b>

 HASECO  
 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG  
 4/2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Số 24, Đường Cù Chính Lan,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**32 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
				VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết		100.250.095.000	92.237.862.735	8.098.268.453	86.036.188	-	-
- Sàn Hà Nội	945.247	16.543.109.900	14.905.870.988	1.640.858.800	3.619.888	-	-
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	3.831.557	65.565.969.900	62.333.152.168	3.314.319.832	81.502.100	-	-
- Sàn Upcom	370.377	18.141.015.200	14.998.839.579	3.143.089.821	914.200	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết		2.661.992.000	3.025.000.000	298.000.000	661.008.000	-	9.697.278.400
- Công ty CP SIVICO	125.000	2.375.000.000	2.077.000.000	298.000.000	-	-	-
- Tổng Công ty đầu tư phát triển xây dựng (DIC Group)	40.000	286.992.000	948.000.000	-	661.008.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đức Tân Long	990.910	-	-	-	-	-	5.747.278.000
- Công ty Cổ phần Bột mỳ Bình An	266.666	-	-	-	-	-	3.950.000.400
		<b>102.912.087.000</b>	<b>95.262.862.735</b>	<b>8.396.268.453</b>	<b>747.044.188</b>	<b>-</b>	<b>9.697.278.400</b>

b) <b>Cổ tức và tiền lãi sát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS</b>		Từ 23/11/2015
	Năm 2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	2.403.836.100	1.306.073.620
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	8.666.013.196	3.483.039.305
Từ các khoản cho vay	1.060.119.536	-
	<b>12.129.968.832</b>	<b>4.789.112.925</b>
c) <b>Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính</b>		Từ 23/11/2015
	Năm 2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>3.512.265.633</b>	<b>6.575.491.303</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu từ lãi hợp đồng ủy thác đầu tư	3.512.265.633	6.575.491.303
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>3.512.265.633</b>	<b>6.575.491.303</b>
33 . <b>CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>		Từ 23/11/2015
	Năm 2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	6.355.265.467	1.036.666.927
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	413.670.165	-
Chi phí vật tư văn phòng	57.819.709	11.163.108
Chi phí công cụ, dụng cụ	98.660.631	-
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	515.388.957	87.892.710
Chi phí thuế, phí và lệ phí	101.299.000	10.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	(102.132.758)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.231.039.023	97.058.625
Chi phí khác	3.706.027.655	275.510.252
	<b>12.479.170.607</b>	<b>1.416.158.864</b>
34 . <b>THU NHẬP KHÁC</b>		Từ 23/11/2015
	Năm 2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	318.181.818	-
	<b>318.181.818</b>	<b>-</b>
35 . <b>CHI PHÍ KHÁC</b>		Từ 23/11/2015
	Năm 2016	đến 31/12/2015
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	177.998.774	-
Tiền thuế bị truy thu sau quyết toán thuế	187.055.068	-
	<b>365.053.842</b>	<b>-</b>



**36 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.072.541.850	17.422.064.425
Các khoản điều chỉnh tăng	337.055.068	-
- Chi phí không hợp lệ	337.055.068	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(53.784.947.559)	(124.437.662.704)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(2.403.836.100)	(1.306.073.620)
- Chuyển lỗ các năm trước (*)	(51.381.111.459)	(123.131.589.084)
Tổng thu nhập tính thuế	(35.375.350.641)	(107.015.598.279)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (trước hợp nhất) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Á Âu có phát sinh khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2011. Theo quy định hiện hành, Công ty được phép chuyển lỗ tính thuế sang các kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Khoản lỗ mang sang này được Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng (sau hợp nhất) kế thừa. Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán thuế cho mục đích hợp nhất, theo đó số chuyển lỗ từ năm 2011 đến năm 2015 bị điều chỉnh giảm căn cứ quyết định số 2993/QĐ-CT ngày 06/07/2016 của Cục trưởng cục thuế thành phố Hải Phòng.

**37 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	18.072.541.850	17.422.064.425
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.072.541.850	17.422.064.425
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	29.177.615	29.181.096
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>619</b>	<b>597</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016.

**38 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG**

Số 24, Đường Cù Chính Lan,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**39 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	8.160.887.246	10.800.104.553	14.111.961.999	33.072.953.798
Chi phí hoạt động	11.789.484.835	(5.422.531.998)	(1.310.452.102)	5.056.500.735
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.630.267.529
Chi phí không phân bổ	-	-	-	12.527.306.718
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(3.628.597.589)</b>	<b>16.222.636.551</b>	<b>15.422.414.101</b>	<b>18.119.413.874</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	143.607.381	20.336.592.656	152.736.296.665	173.216.496.702
Tài sản không phân bổ	-	-	-	146.552.399.139
<b>Tổng tài sản</b>	<b>143.607.381</b>	<b>20.336.592.656</b>	<b>152.736.296.665</b>	<b>319.768.895.841</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	12.094.000	-	-	12.094.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	7.957.593.787
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>12.094.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.969.687.787</b>

**Theo khu vực địa lý**

	Hội sở	Chi nhánh Hà Nội	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	27.805.039.421	2.430.746.612	2.837.167.765	33.072.953.798	-	33.072.953.798
Tài sản bộ phận	411.764.860.005	22.708.182.205	92.072.107.865	526.545.150.075	(206.776.254.234)	319.768.895.841
Nợ phải trả bộ phận	99.965.651.951	201.877.929	309.477.672	100.477.007.552	(92.507.319.765)	7.969.687.787

## 40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015	
		Năm 2016 VND	VND
<b>Vay vốn</b>			
Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	21.100.000.000	-
<b>Trả tiền vay vốn</b>			
Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	21.100.000.000	-

Ngoài thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở các Thuyết minh trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 23/11/2015 đến 31/12/2015	
	Năm 2016 VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.506.765.782	422.128.804

## 41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Năm 2016 là năm tài chính đầu tiên Công ty áp dụng Thông tư số 210/2014-TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC. Do đó các chỉ tiêu trên Báo cáo Tình hình tài chính (tên cũ là Bảng cân đối kế toán), Báo cáo kết quả hoạt động (tên cũ là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính.

Kỳ kế toán từ ngày 23/11/2015 đến ngày 31/12/2015 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty sau khi hợp nhất giữa 2 Công ty CP Chứng khoán Hải Phòng và Công ty CP Chứng khoán Á Âu, do đó số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là không thể so sánh được với số liệu năm nay.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 3 năm 2017  
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT  
TS. Vũ Dương Hiền